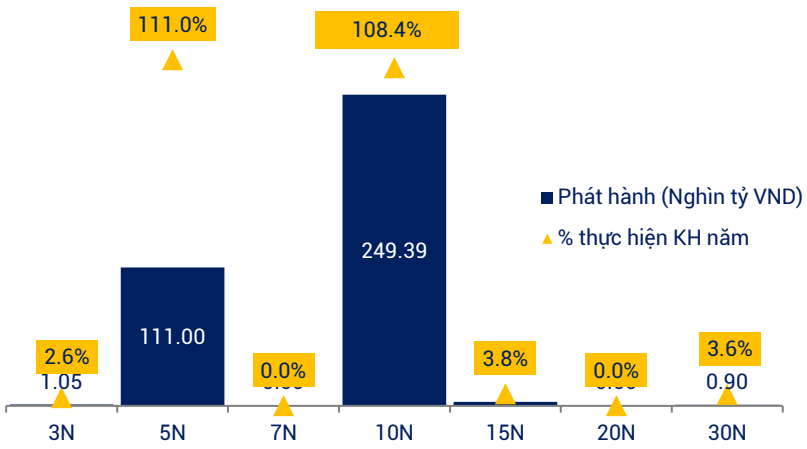
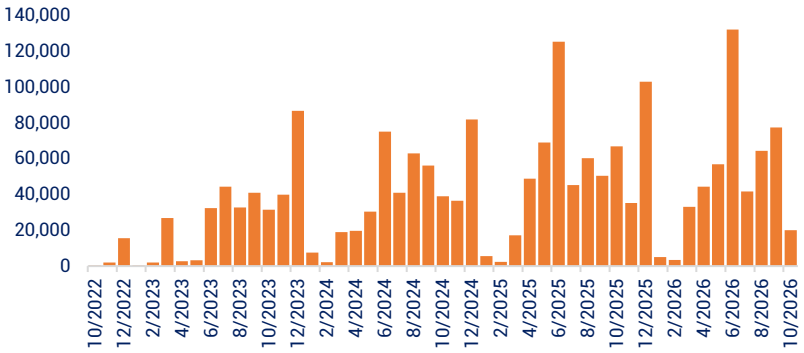
VBMA
Vietnam Bond Market Association

BÁO CÁO
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU
THÁNG 10/2026

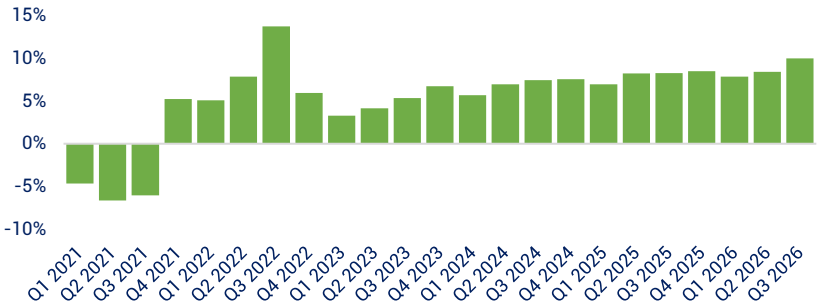
GTPH TPCP theo kỳ hạn (YTD)



Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)



Tăng trưởng GDP



THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP TPCP

Trong tháng 10/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 90,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 77.1%.

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP TPCP

Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 299,068 tỷ đồng (tăng 4.7% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 166,228 tỷ đồng (tăng 10.9% so với tháng trước). Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) đi ngang trong tháng 10, thay đổi không quá 1 điểm cơ bản so với cuối tháng trước.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/10/2026, trong tháng 10/2026 đã có 24 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 20,131 tỷ đồng. Trong đó, 21 đợt phát hành riêng lẻ đạt 18,282 tỷ đồng và 3 đợt phát hành ra công chúng đạt 1,849 tỷ đồng. Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 10/2026 đạt 175,285 tỷ đồng, bình quân đạt 7,968 tỷ đồng/phiên.

KINH TẾ VĨ MÔ

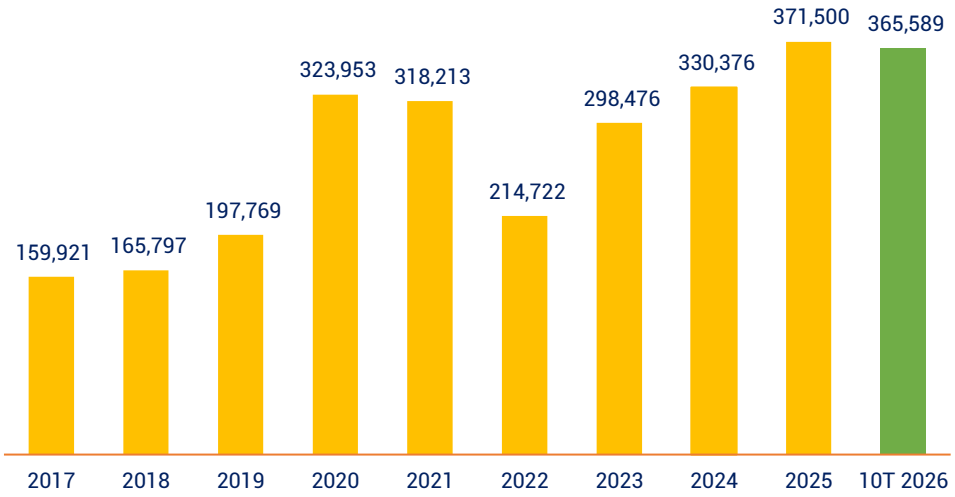
CPI tháng 10 tăng 5.09% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0.20% so với tháng trước.

Tính đến cuối tháng 10 năm 2026, FDI đăng ký đạt 54.85 tỷ USD, tăng 74.0% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 13.1% lên 24.08 tỷ USD. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 708,567.4 tỷ đồng, hoàn thành 74.1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (955,867.4 tỷ đồng).

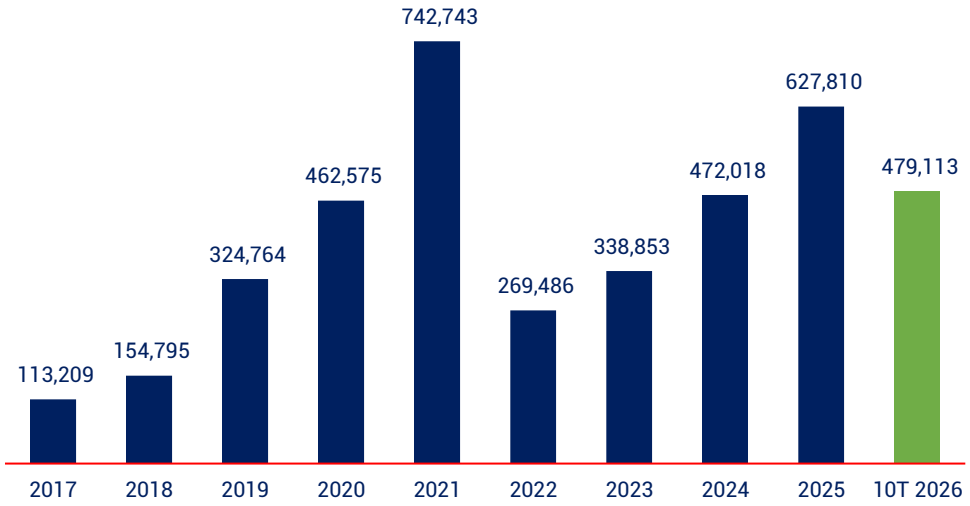
PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 10/2026 tăng từ 51.9 điểm lên 52.3 điểm.

Trong tháng 10, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 64.67 tỷ USD, tăng 8.7% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 57.36 tỷ USD, giảm 1.4% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 10 xuất siêu 7.31 tỷ USD.

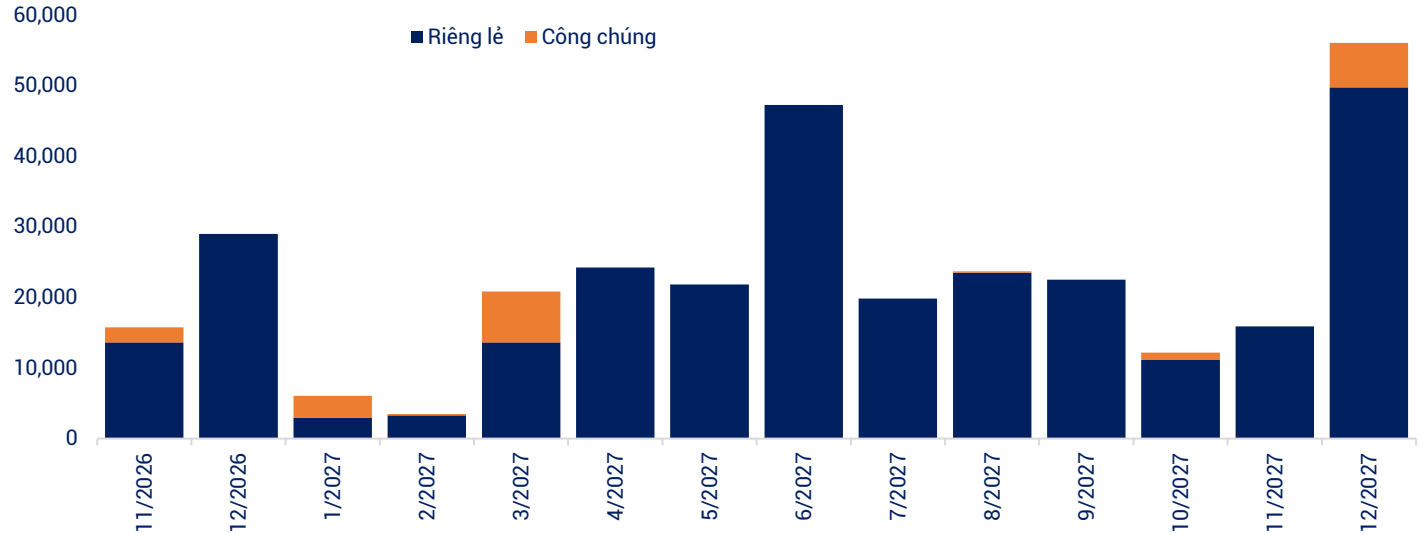
Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ (tỷ đồng)



Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)



Giá trị TPDN đáo hạn

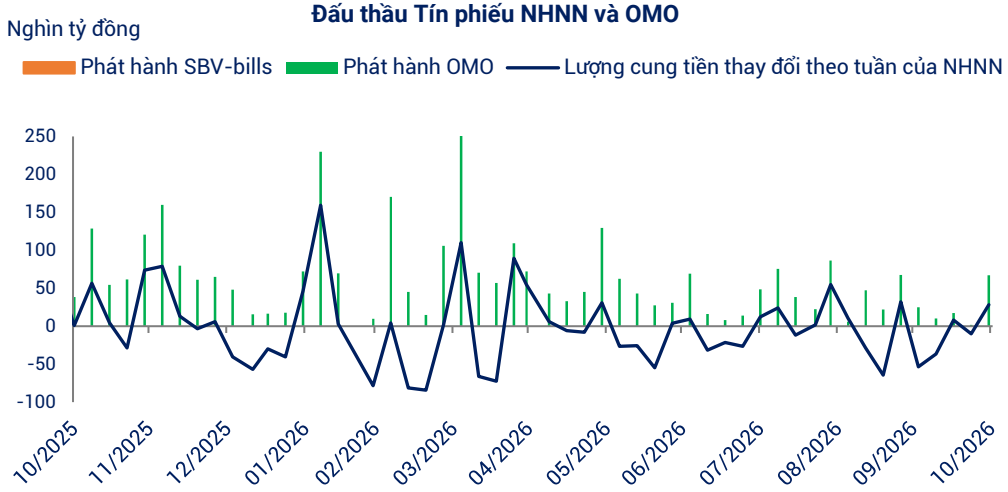


**Số liệu phát hành được tính đến hết ngày 30/10/2026 và có thể thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX.*

Lãi suất liên ngân hàng: Trong tháng 10/2026, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn giảm trong tuần đầu tháng, trong đó lãi suất qua đêm ghi nhận mức thấp nhất 0.72%/năm vào phiên 07/10. Từ tuần thứ hai, lãi suất qua đêm và 1 tuần tăng trở lại và dao động trong biên độ hẹp hơn so với tháng 9, trước khi kết thúc tháng ở mức 5.79%/năm và 5.36%/năm. Đối với các kỳ hạn từ 1 tháng trở lên, lãi suất nhìn chung ổn định và đi ngang trong tháng, trong đó kỳ hạn 3 tháng duy trì quanh mức 7.5%/năm kể từ giữa tháng. Riêng kỳ hạn 9 tháng giảm xuống 7.11%/năm trong ba phiên cuối tháng.

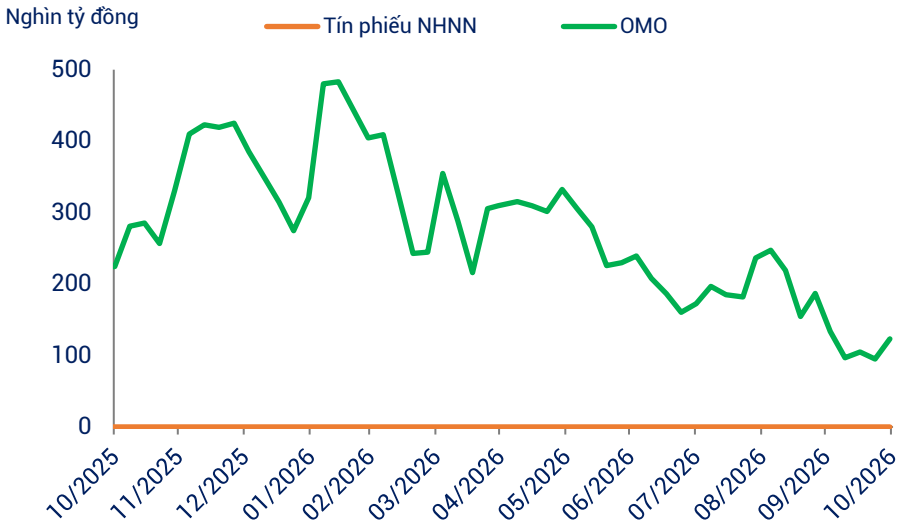
Nghiệp vụ thị trường mở: Trong tháng 10, NHNN tiếp tục không phát hành tín phiếu và duy trì cung ứng thanh khoản qua kênh OMO, với tổng giá trị mua GTCG đạt 96,549 tỷ đồng, giảm 42% so với tháng 9. Tuy nhiên, giá trị OMO đáo hạn trong tháng ở mức 123,850 tỷ đồng, lớn hơn lượng phát hành mới, khiến NHNN hút ròng 27,301 tỷ đồng qua kênh này. Theo đó, quy mô OMO lưu hành giảm so với tháng trước, về mức gần 123 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng.

Đấu thầu Tín phiếu NHNN và OMO



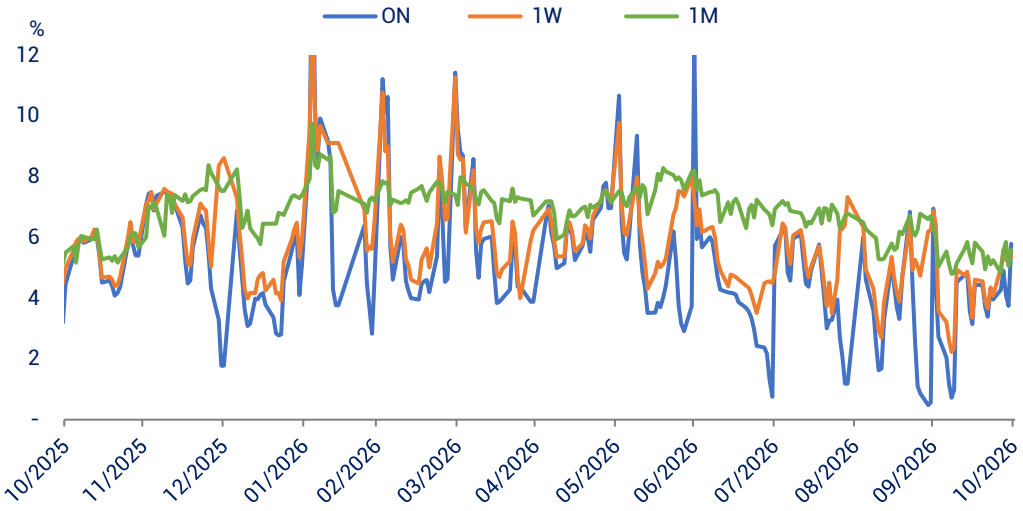
Nguồn: SBV, VBMA

Giá trị lưu hành của Tín phiếu NHNN và OMO



Nguồn: SBV, VBMA

Lãi suất liên ngân hàng



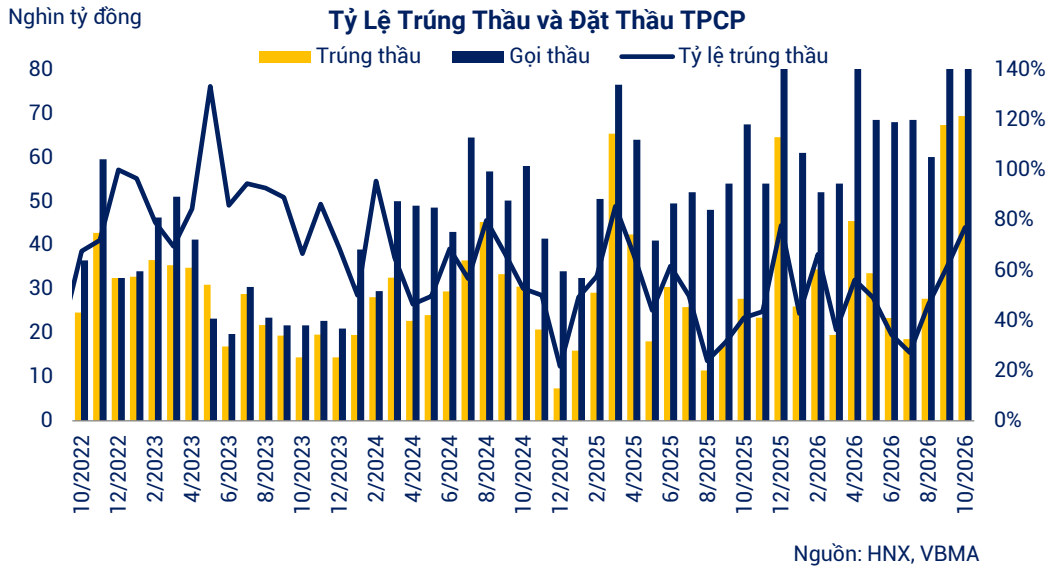
Nguồn: SBV, VBMA

Trong tháng 10/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 90,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 77.1%.

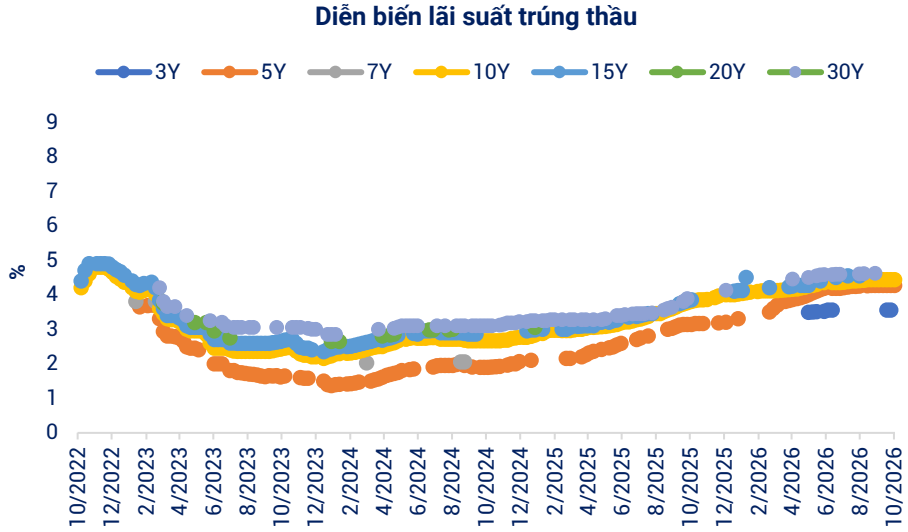
KBNN gọi thầu các kỳ hạn 3, 5, 10, 15 và 30 năm. Trong đó, kỳ hạn 5 năm chiếm 50.9% giá trị trúng thầu (GTTT) đạt 35,339 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 99.5%). Kỳ hạn 10 năm trúng thầu 33,523 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 72.1%, chiếm 48.3% GTTT) và kỳ hạn 3 năm trúng thầu 500 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 25.0%). Kỳ hạn 15 năm và 30 năm không trúng thầu.

Kỳ hạn phát hành bình quân tháng 10 là 7.40 năm. Lãi suất trúng thầu trung bình đạt 4.34%/năm, giảm so với mức 4.37% trong tháng 9/2026.

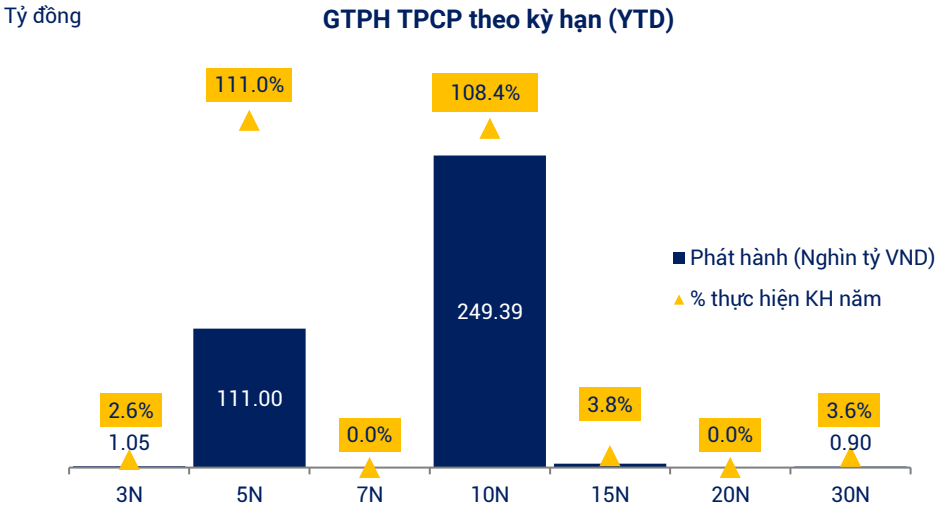
Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 10 tháng đầu năm 2026 là 365,589 tỷ đồng, đạt 73.1% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị TPCP phát hành trong Quý IV đạt 69.4% kế hoạch quý (100,000 tỷ đồng).



Nguồn: HNX, VBMA



Nguồn: HNX, VBMA



Nguồn: HNX, VBMA

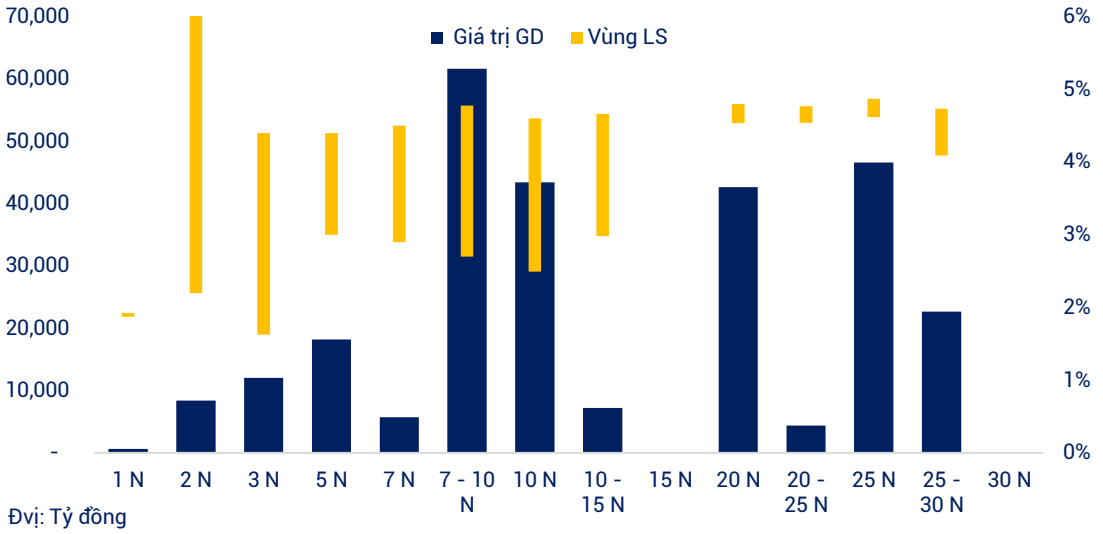
Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 299,068 tỷ đồng (tăng 4.7% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 166,228 tỷ đồng (tăng 10.9% so với tháng trước).

Thanh khoản trung bình/ngày của giao dịch Outright ở mức 13,594 tỷ đồng và của giao dịch Repo là 7,556 tỷ đồng, lần lượt giảm 4.8% và tăng 0.8% so với cùng kỳ tháng trước.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm chiếm phần lớn giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp, lần lượt là 40%, 12% và 39% trên tổng số 299,068 tỷ đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 224 tỷ đồng TPCP trong tháng 10/2026, đưa lượng bán ròng của khối ngoại năm 2026 xuống còn 4.937 tỷ đồng.

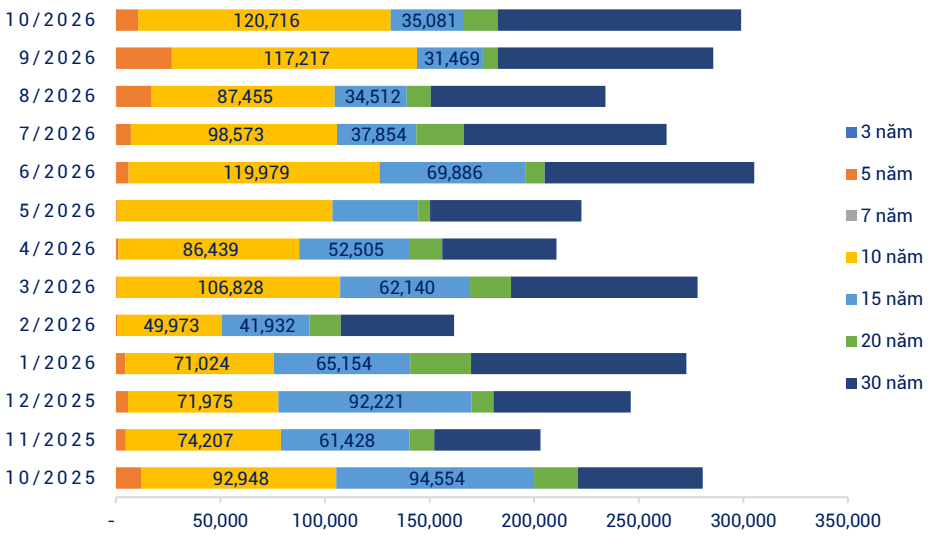
Giá trị và vùng lợi suất GD TPCP theo kỳ hạn còn lại trong tháng



Đvị: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

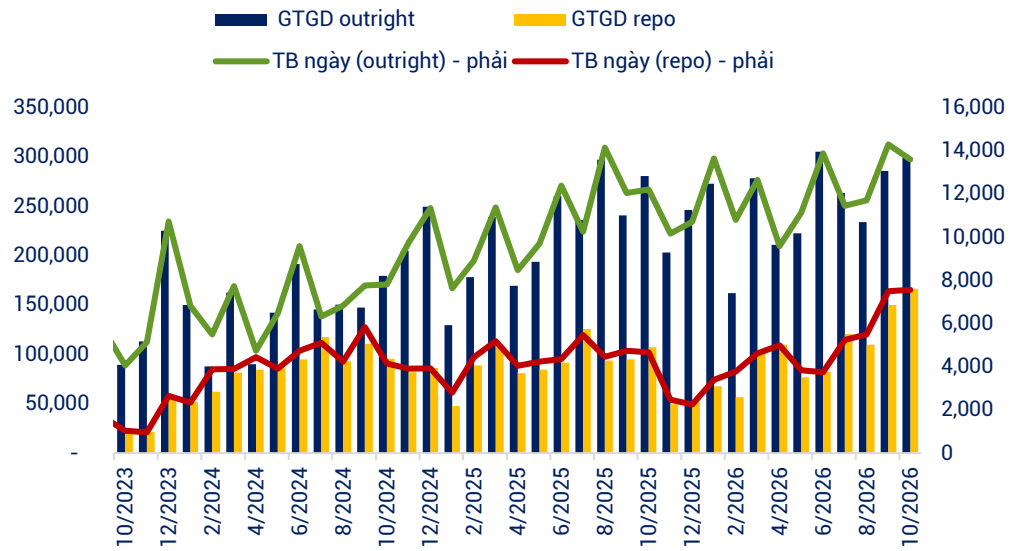
Giá trị giao dịch theo kỳ hạn



Đvị: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

Diễn biến GD Outright và Repo theo tháng



Đvị: Tỷ đồng

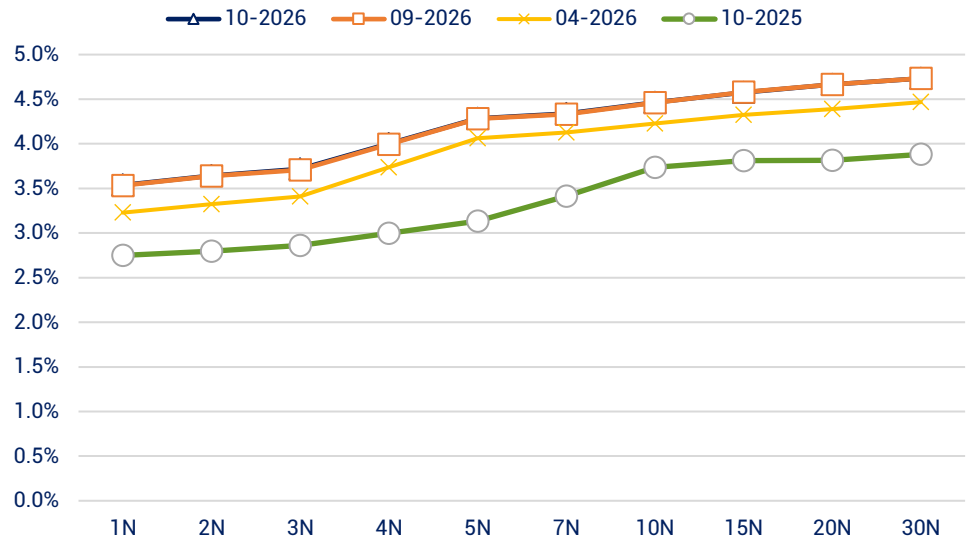
Nguồn: HNX, VBMA

Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) gần như đi ngang so với cuối tháng trước.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP trong tháng 10/2026 gần như đi ngang so với cuối tháng trước, với mức thay đổi tại các kỳ hạn không quá 1 điểm cơ bản. Lợi suất kỳ hạn 10 năm đóng cửa tháng ở mức 4.465%/năm. Dù biến động trong tháng không đáng kể, mặt bằng lợi suất hiện đã cao hơn khoảng 73–115 điểm cơ bản so với cùng kỳ năm trước, mạnh nhất tại kỳ hạn 5 năm. Đường cong lợi suất duy trì dốc lên nhưng có xu hướng phẳng hóa nhẹ trong 6 tháng gần đây do lợi suất kỳ hạn ngắn tăng nhanh hơn kỳ hạn dài.

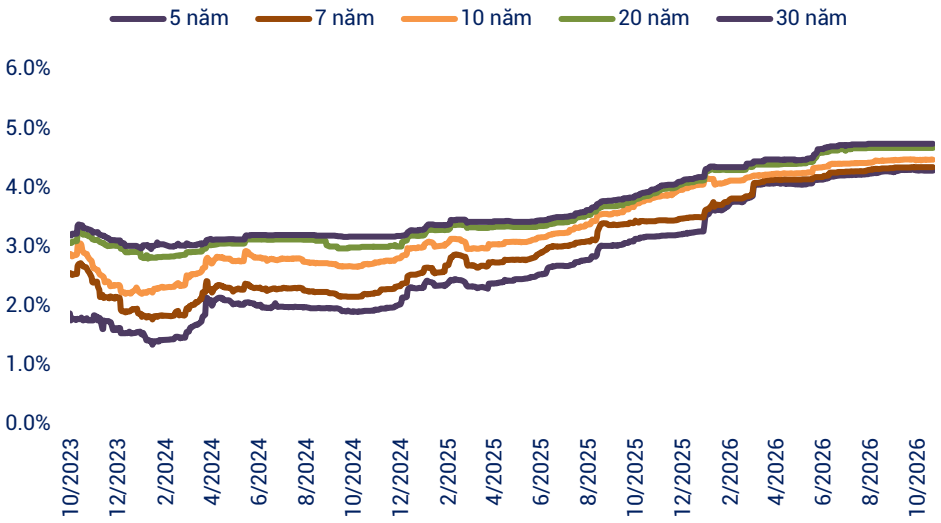
Trong tháng 10/2026, chênh lệch lợi suất TPCP Việt Nam – Mỹ thu hẹp trên toàn bộ đường cong, đảo chiều so với tháng trước, chủ yếu từ giữa tháng. Chênh lệch kỳ hạn 10 năm khép lại tháng ở mức -0.48%, thu hẹp 34 điểm cơ bản so với cuối tháng 9. Do lợi suất trong nước gần như đi ngang, diễn biến này chủ yếu phản ánh lợi suất TPCP Mỹ giảm.

Biến động lợi suất



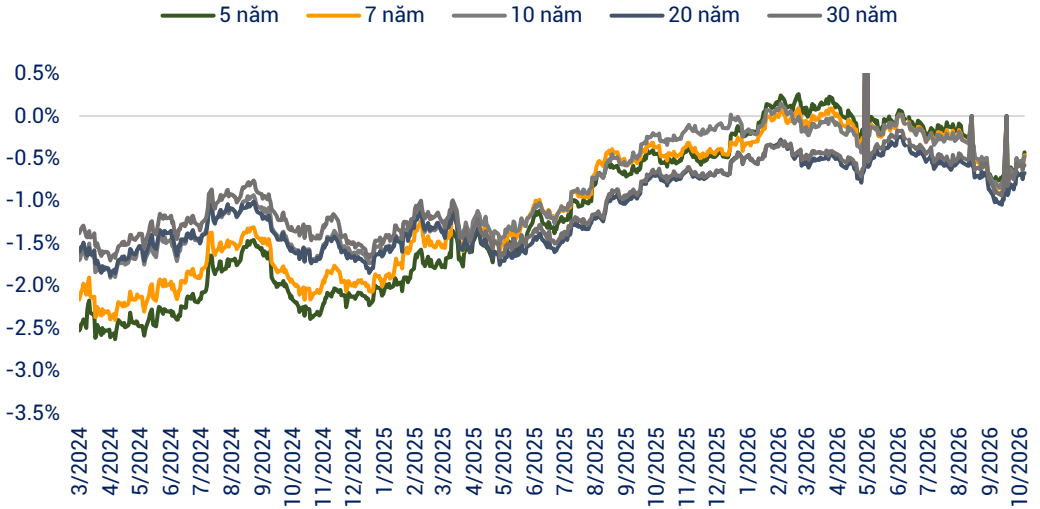
Nguồn: VBMA

Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Nguồn: VBMA

Chênh lệch lợi suất Việt Nam - Mỹ



Nguồn: US Dept. Treasury, VBMA

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2026:

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/10/2026, trong tháng 10/2026 đã có 24 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 20,131 tỷ đồng. Trong đó, 21 đợt phát hành riêng lẻ đạt 18,282 tỷ đồng và 3 đợt phát hành ra công chúng đạt 1,849 tỷ đồng. Trong 10 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 479,113 tỷ đồng, trong đó 419,309 tỷ đồng được phát hành riêng lẻ và 59,804 tỷ đồng được phát hành ra công chúng.

Trong tháng 10, các doanh nghiệp đã mua lại 16,965 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 2 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 44,786 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, không ghi nhận mã trái phiếu chậm trả mới. Có 3 mã trái phiếu gia hạn ngày đáo hạn.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 10/2026 đạt 175,285 tỷ đồng, bình quân đạt 7,968 tỷ đồng/phiên, tăng 7% so với bình quân tháng 9/2026.

**Dữ liệu do VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX. Dữ liệu trên có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 30/10/2026.*

Kế hoạch phát hành sắp tới

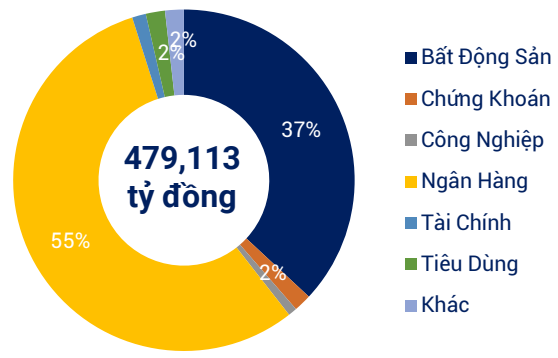
CTCP Vinhomes (VHM)

HĐQT CTCP Vinhomes (VHM) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 2,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn từ 3 năm với mức lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

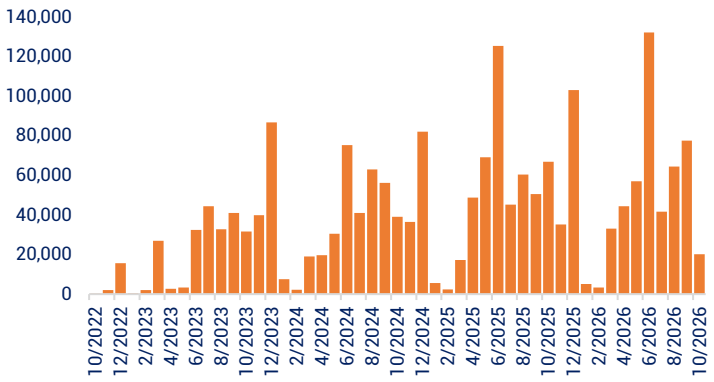
CT Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (EVF)

HĐQT CT Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (EVF) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 1,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 1 năm với mức lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

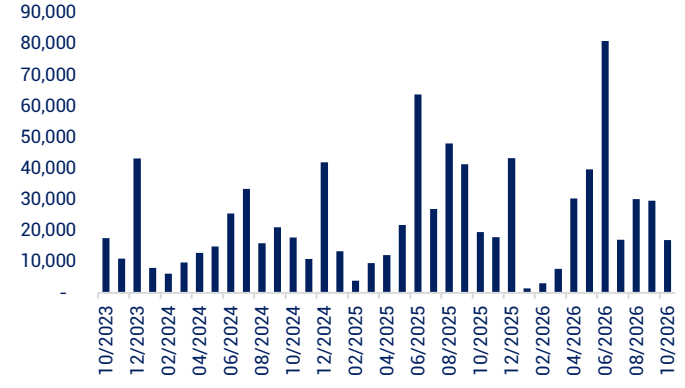
Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2026

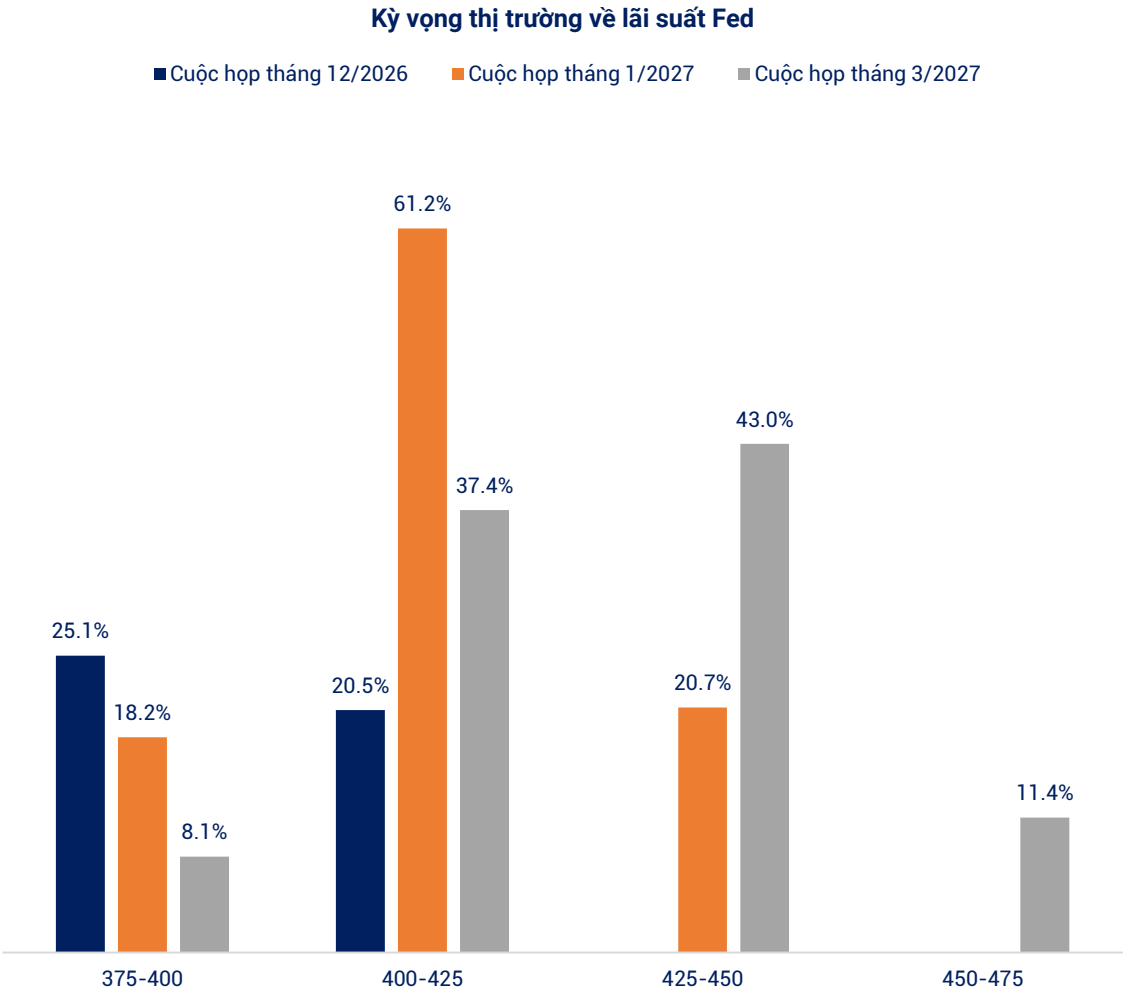


Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)



Giá trị mua lại TPDN (tỷ VND)





Nguồn: CME

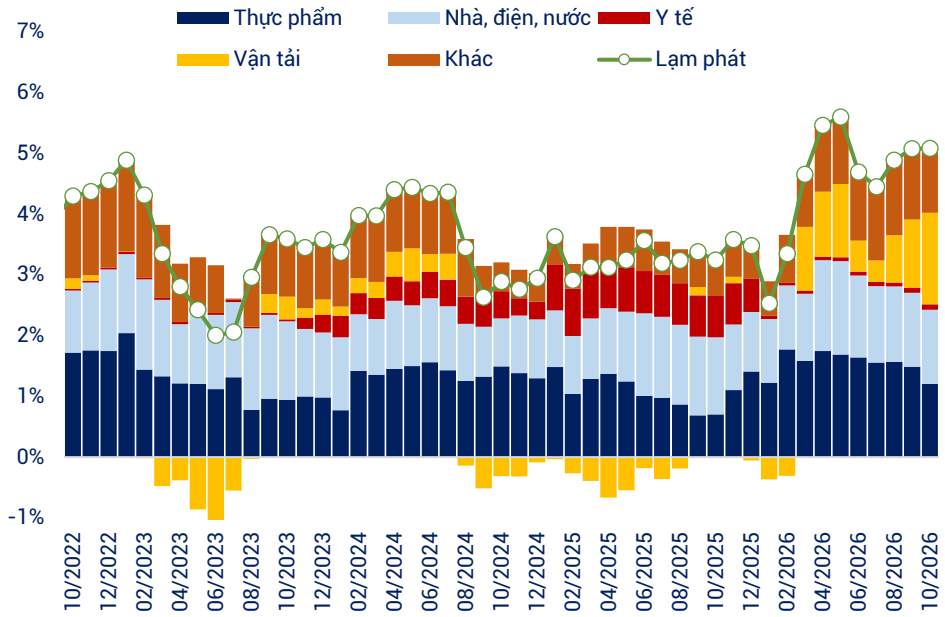
Tại cuộc họp 27-28/10, Fed giữ lãi suất ở 3.75-4.00% với tỷ lệ biểu quyết 10-2, trong đó hai thành viên ủng hộ tăng thêm 25 điểm cơ bản. Trước đó, tại cuộc họp 15-16/9, Fed đã tăng 25 điểm cơ bản với biểu quyết nhất trí 12-0. Cuộc họp tháng 10 không đi kèm dự báo kinh tế mới, và cuộc họp tiếp theo diễn ra vào 8-9/12.

Tại châu Âu, ECB giữ nguyên lãi suất tiền gửi ở 2.50%, lãi suất tái cấp vốn chính ở 2.65% và lãi suất cho vay qua đêm ở 2.90% trong cuộc họp 29/10, sau hai lần tăng lãi suất trong năm. ECB cảnh báo giá năng lượng tiếp tục tăng, làm tăng rủi ro lạm phát và giảm rủi ro tăng trưởng, đồng thời không cam kết lộ trình lãi suất. Cùng ngày, Chủ tịch ECB thông báo sẽ từ nhiệm sớm vào tháng 2/2027. Lạm phát Eurozone tháng 9 đạt 3.8%, cao nhất kể từ tháng 9/2023. Cuộc họp tiếp theo của ECB diễn ra vào 17/12.

Tại Nhật Bản, BOJ giữ lãi suất chính sách ở 1.25% trong cuộc họp 29-30/10 với tỷ lệ biểu quyết 8-1, trong đó một thành viên đề xuất tăng lên 1.5%. Lần đầu tiên kể từ năm 2013, BOJ đánh giá lạm phát theo xu hướng cơ bản đã đạt mục tiêu 2%, khi lạm phát lõi tháng 9 tăng lên 2.1% so với 1.7% của tháng 8.

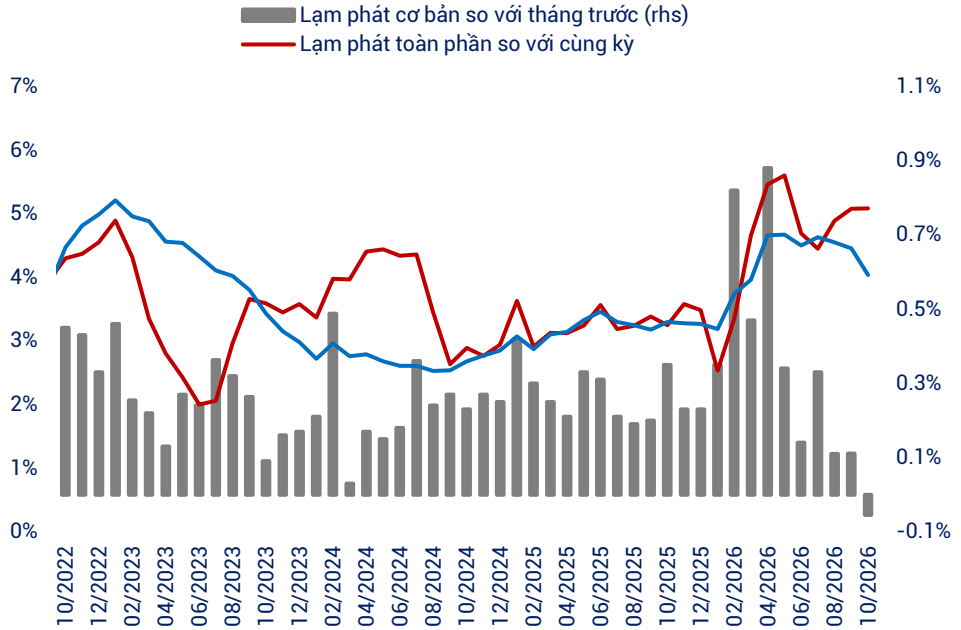
Trên thị trường ngoại hối, DXY tăng khoảng 0.4% trong tháng 10, từ 101.45 cuối tháng 9 lên 101.88 vào ngày 30/10. Trong phiên Fed công bố quyết định ngày 28/10, DXY giảm 0.12% xuống 102.19, rồi tiếp tục giảm về 102.04 ngày 29/10 và chốt tháng ở 101.88.

Đóng góp vào lạm phát toàn phần



Nguồn: NSO

Lạm phát cơ bản và lạm phát toàn phần



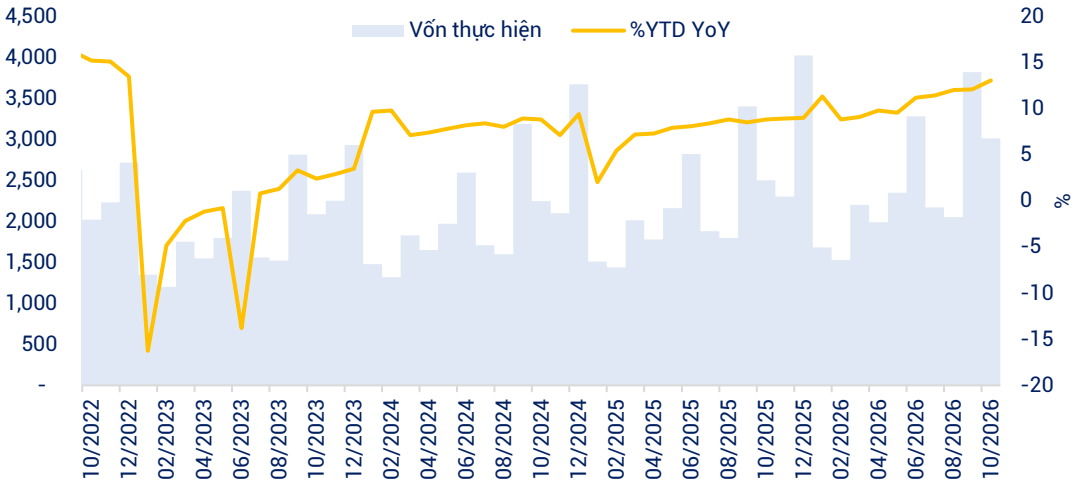
Nguồn: NSO

Theo GSO, CPI tháng 10/2026 tăng 0.20% so với tháng trước, tăng 5.09% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4.41% so với tháng 12/2025; bình quân 10 tháng, CPI tăng 4.57% so với cùng kỳ, nhỉnh hơn mục tiêu khoảng 4.5% của Chính phủ.

Đà tăng tháng 10 chủ yếu đến từ nhóm giao thông tăng 2.66% (trong đó giá xăng tăng 6.86%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0.31%, nhóm giáo dục tăng 0.31%, nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0.04%. Chiều ngược lại, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.87%, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.24% (kéo CPI chung giảm 0.09 điểm phần trăm), nhóm thông tin và truyền thông giảm 0.18%, phần nào bù trừ cho mức tăng chung.

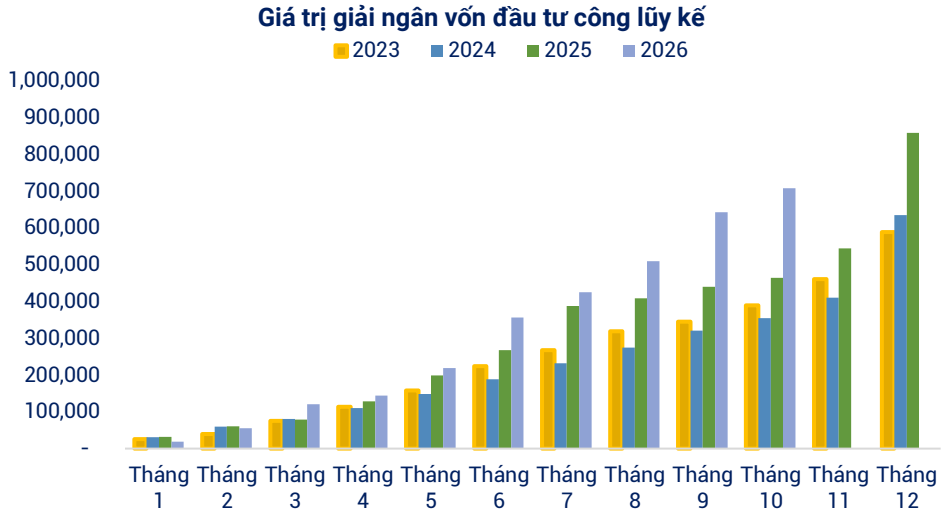
Đáng chú ý, lạm phát cơ bản tháng 10 giảm 0.05% so với tháng trước và tăng 4.04% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng tăng 4.24%, thấp hơn CPI bình quân chung (4.57%), cho thấy phần chênh lệch đến từ các nhóm nằm ngoài rổ lạm phát cơ bản như xăng dầu, gas, lương thực, thực phẩm tươi sống và dịch vụ y tế.

FDI giải ngân (triệu USD)



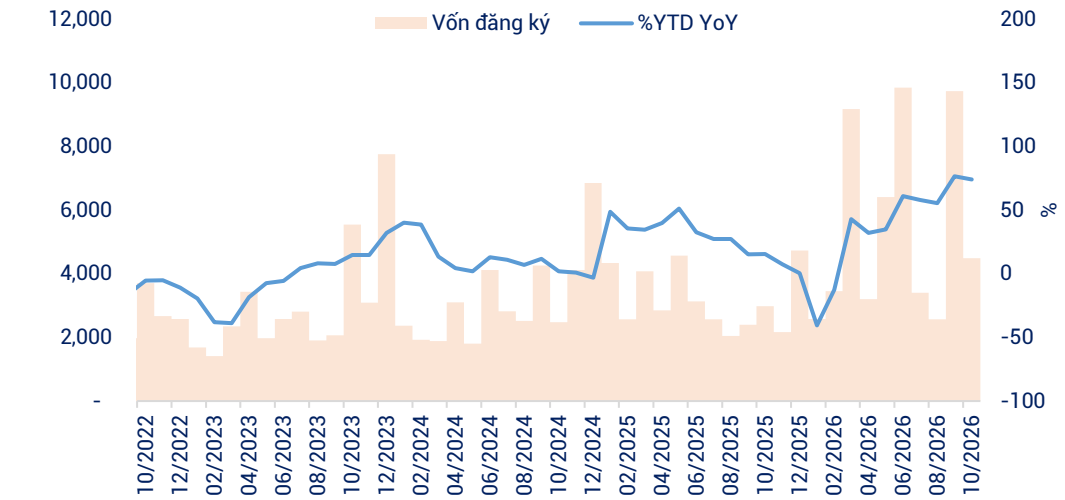
Nguồn: MOF

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công lũy kế



Nguồn: MOF

FDI đăng ký (triệu USD)



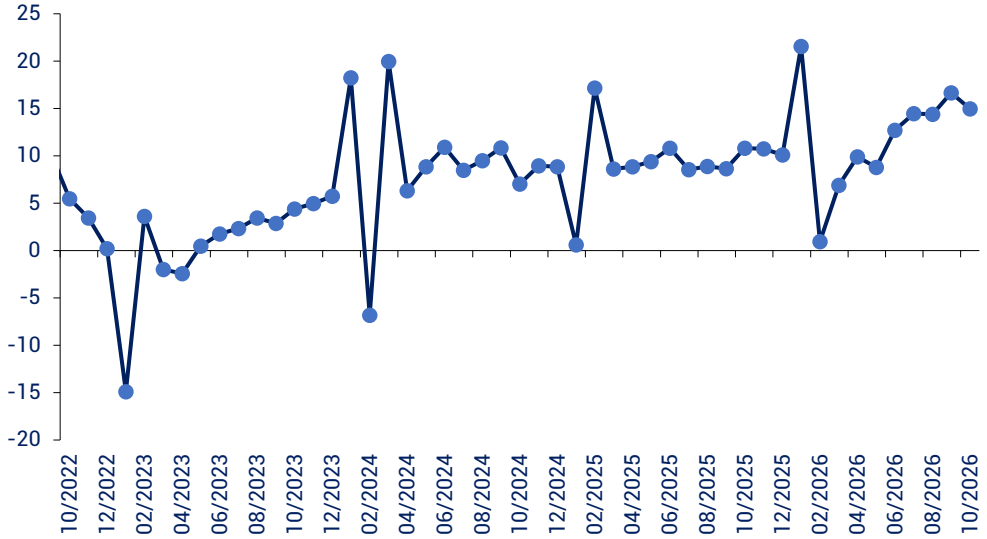
Nguồn: MOF

Tính đến cuối tháng 10 năm 2026, FDI đăng ký đạt 54.85 tỷ USD, tăng 74.0% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 13.1% lên 24.08 tỷ USD.

Trong tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới 10 tháng đầu năm (30.73 tỷ USD), ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14.61 tỷ USD (chiếm 47.5% tổng vốn đăng ký cấp mới); vận tải, kho bãi đạt 5.15 tỷ USD (chiếm 16.7%); các ngành còn lại đạt 10.97 tỷ USD (chiếm 35.7%).

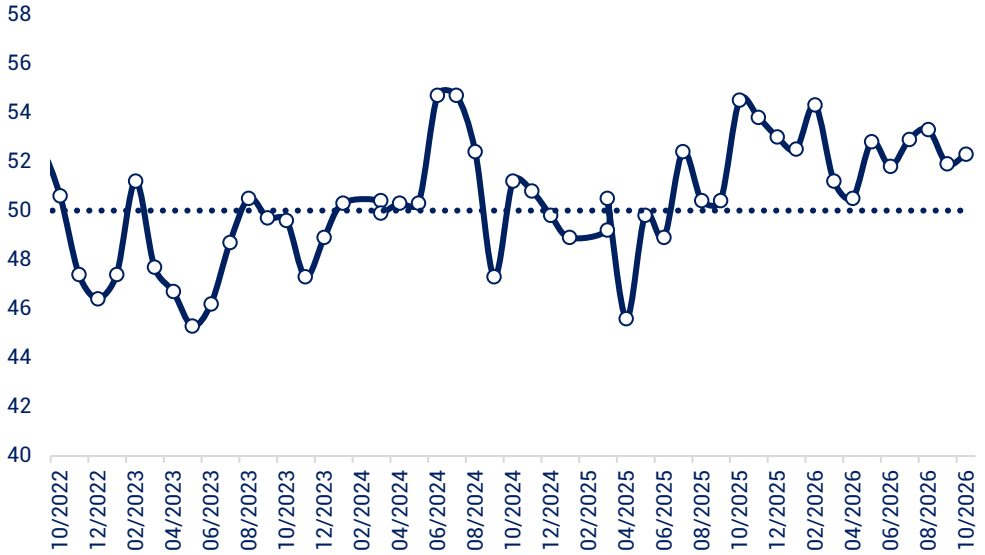
Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm đến hết ngày 31/10 đạt 708,567 tỷ đồng, hoàn thành 74.1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (955,867 tỷ đồng).

Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành (%)



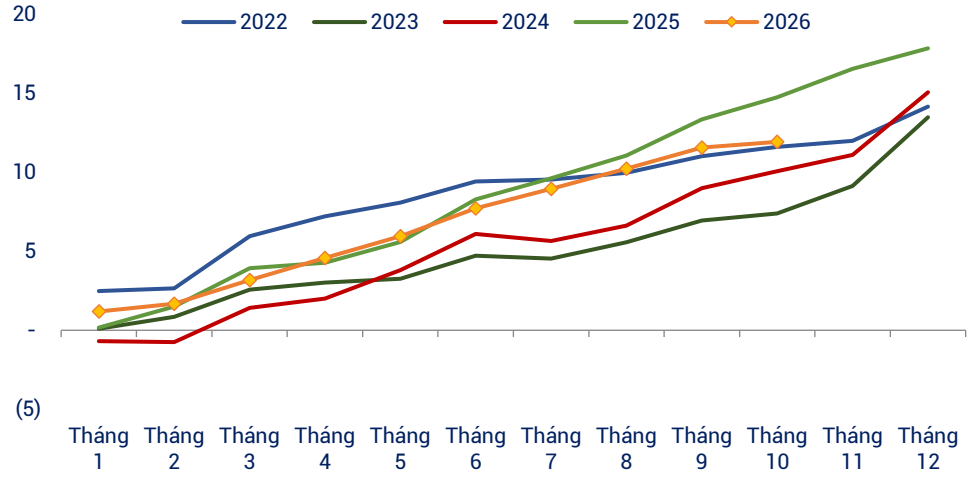
Nguồn: NSO

PMI sản xuất



Nguồn: IHS Markit

Tăng trưởng tín dụng qua các năm



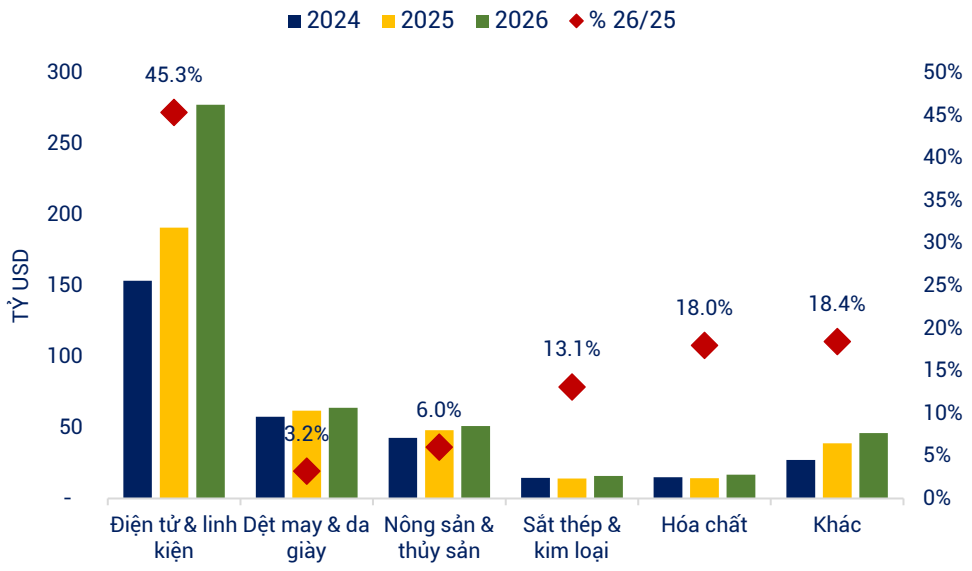
Nguồn: SBV, NSO

PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 10/2026 tăng lên 52.3 điểm từ mức 51.9 điểm của tháng 9, đánh dấu tháng thứ 16 liên tiếp điều kiện kinh doanh được cải thiện. Theo S&P Global, sản lượng tiếp tục tăng nhưng chậm lại so với tháng 9; số lượng đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ yếu nhất trong chuỗi tăng 6 tháng hiện nay, trong khi đơn hàng xuất khẩu tiếp tục giảm và việc làm giảm tháng thứ ba liên tiếp. Chi phí đầu vào tăng do giá dầu và nhiên liệu, trong khi lạm phát giá bán tăng nhanh hơn.

Sản xuất công nghiệp tháng 10 tăng 14.98% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm, IIP tăng 12.36% so với cùng kỳ, trong đó chế biến, chế tạo tăng 13.02%, sản xuất và phân phối điện tăng 10.57% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9.17%.

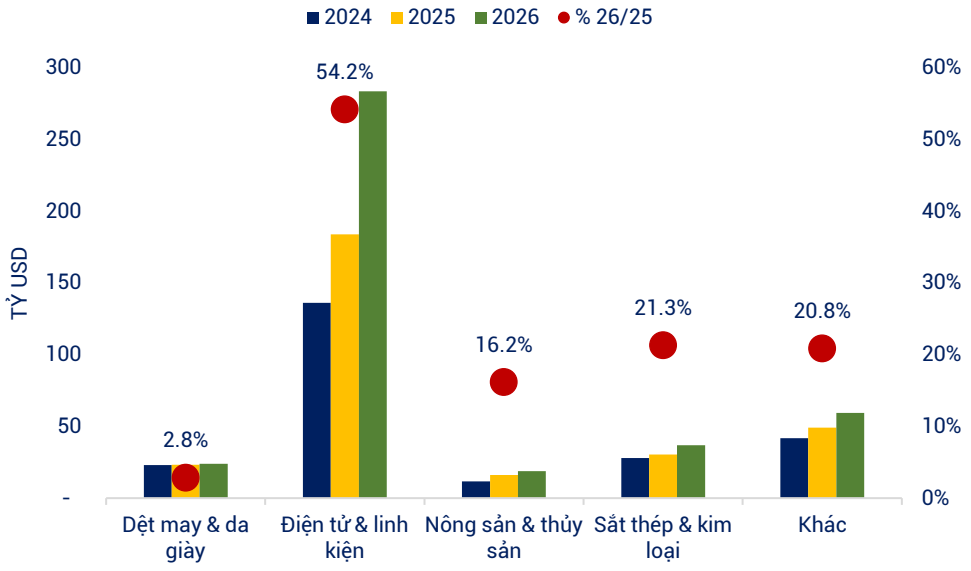
Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến ngày 26/10 đạt 11.94% so với cuối năm 2025.

Kim ngạch xuất khẩu lũy kế



Nguồn: NSO

Kim ngạch nhập khẩu lũy kế



Nguồn: NSO

Trong tháng 10, xuất khẩu hàng hóa ước đạt 64.670 tỷ USD, tăng 8.7% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 57.364 tỷ USD, giảm 1.4% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 10 xuất siêu 7.307 tỷ USD.

Tính chung 10 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 1,010.55 tỷ USD, tăng 32.3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 27.5% và nhập khẩu tăng 37.4%. Cán cân thương mại 10 tháng nhập siêu 12.07 tỷ USD. Về thị trường, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 10 tháng đạt 159.40 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch 10 tháng đạt 212.46 tỷ USD.

10 tháng năm 2026	Giá trị (tỷ USD)	So với cùng kỳ
Tổng kim ngạch XNK	1,010.54	+32.3%
Xuất khẩu	499.235	+27.5%
Nhập khẩu	511.307	+37.4%
Cán cân thương mại	-12.072	

THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T10/2026	T9/2026	T10/2025	%MoM	%YoY	10T 2026	10T 2025	%YoY	% KH Năm
Kỳ hạn 3 năm	500	0	0	-	-	1,045	0	-	-
Kỳ hạn 5 năm	35,339	25,651	8,497	37.77%	315.90%	111,002	34,397	222.7%	111.0%
Kỳ hạn 7 năm	0	0	0	-	-	0	0	-	0.0%
Kỳ hạn 10 năm	33,523	41,569	18,115	-19.36%	85.06%	249,392	233,262	6.9%	108.4%
Kỳ hạn 15 năm	0	0	1,080	-	-100.00%	3,250	12,230	-73.4%	3.8%
Kỳ hạn 20 năm	0	0	0	-	-	0	500	-100.0%	0.0%
Kỳ hạn 30 năm	0	85	48	-100.00%	-100.00%	900	3,041	-70.4%	3.6%
Tổng TPCP	**69,362**	**67,305**	**27,740**	**3.06%**	**150.04%**	**365,589**	**283,429**	**29.0%**	**73.1%**
Trái phiếu doanh nghiệp	**T10/2026**	**T9/2026**	**T10/2025**	**%MoM**	**%YoY**	**10T 2026**	**10T 2025**	**%YoY**	
Riêng lẻ	18,282	72,645	64,602	-75%	-72%	419,309	441,070	-5%	
Công chúng	1,849	4,917	2,299	-62%	-20%	59,804	50,583	18%	
Tổng TPDN	**20,131**	**77,562**	**66,902**	**-74%**	**-70%**	**479,113**	**491,653**	**-3%**	

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T10/2026	T9/2026	T10/2025	%MoM	%YoY	10T 2026	10T 2025	%YoY	
Outright	299,067	285,645	280,582	4.7%	6.6%	2,537,191	2,223,753	14.1%	
Repo	166,227	149,882	107,306	10.9%	54.9%	1,039,057	923,200	12.5%	
Tổng TPCP	**465,294**	**435,527**	**387,888**	**6.8%**	**20.0%**	**3,576,248**	**3,146,953**	**13.6%**	
Trái phiếu doanh nghiệp	**175,285**	**148,581**	**101,755**	**17.97%**	**72.3%**	**1,364,333**	**1,109,059**	**23.0%**	

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 10/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	5000	BIDL12629	RIÊNG LẺ	15/10/2026	8.2%/NĂM	3
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	NGÂN HÀNG	2000	OCBL12613	RIÊNG LẺ	15/10/2026	9.0%/NĂM	2
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	NGÂN HÀNG	2000	OCBL12612	RIÊNG LẺ	14/10/2026	9.0%/NĂM	3
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	NGÂN HÀNG	2000	OCBL12611	RIÊNG LẺ	13/10/2026	9.0%/NĂM	3
CTCP THÀNH ĐỨC HOLDING	BẤT ĐỘNG SẢN	1200	HTDL12601	RIÊNG LẺ	26/10/2026	12.5%/NĂM	3
NHTMCP SÀI GÒN TÀI LỘC	NGÂN HÀNG	1000	STBL12615	RIÊNG LẺ	16/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 3.6%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4.6%/NĂM (01 NĂM CUỐI)	6
NHTMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	780	PCBL12611	RIÊNG LẺ	12/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM	7
NHTMCP KIÊN LONG	NGÂN HÀNG	766.1057	KLB7Y202503	CÔNG CHÚNG	01/10/2026	LSTKCN 24T VNĐ (KLB) + 2,8%/NĂM	7

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 10/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
NHTMCP BẮC Á	NGÂN HÀNG	736.1	BAB205-07L	CÔNG CHÚNG	12/10/2026	LSTKCN 12T VNĐ (BAB) + 2,1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,0%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	7
CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT	CHỨNG KHOÁN	640	VDSL12604	RIÊNG LẺ	06/10/2026	9.7%/NĂM	1
CTCP CHỨNG KHOÁN KAFI	CHỨNG KHOÁN	500	KAIL12601	RIÊNG LẺ	08/10/2026	9.7%/NĂM	1
NHTMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	500	VIBL12606	RIÊNG LẺ	16/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.5%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4.5%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	7
NHTMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	450	PCBL12610	RIÊNG LẺ	09/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM	7
NHTMCP BẮC Á	NGÂN HÀNG	346.85	BAB205-07C	CÔNG CHÚNG	12/10/2026	LSTKCN 12T VNĐ (BAB) + 2,3%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,1%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	7
CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	CHỨNG KHOÁN	339	SHSL12604	RIÊNG LẺ	09/10/2026	10.5%/NĂM	1
NHTMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	300	PCBL12609	RIÊNG LẺ	06/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM	7

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 10/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
CT TNHH MẶT TRỜI HẠ LONG	TIÊU DÙNG	300	SHLL12601	RIÊNG LẺ	12/10/2026	04 KỲ ĐẦU: 12.5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 4.0%/NĂM	5
NHTMCP TIÊN PHONG	NGÂN HÀNG	300	TPBL12617	RIÊNG LẺ	23/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 4.0%/NĂM	10
NHTMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	250	PCBL12612	RIÊNG LẺ	15/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (CTG, BIDV, VCB, AGRIBANK) + 3.7%/NĂM	7
CTCP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	XÂY DỰNG	200	CIIL12601	RIÊNG LẺ	15/10/2026	04 KỲ ĐẦU: 11.5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 4.8%/NĂM (TỐI THIỂU 11%/NĂM)	2
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	200	LPBL12615	RIÊNG LẺ	08/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3.78%/NĂM	6
CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	CHỨNG KHOÁN	123	SHSL12603	RIÊNG LẺ	06/10/2026	10.5%/NĂM	1
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	100	LPBL12614	RIÊNG LẺ	05/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3.78%/NĂM	7
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	100	LPBL12612	RIÊNG LẺ	01/10/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3.78%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4.0%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	6

10 MÃ TRÁI PHIẾU CÓ GTGD OUTRIGHT LỚN NHẤT TRONG THÁNG

STT	Tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	GTGD (Tỷ đồng)	Kỳ hạn gốc (Năm)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	Vùng lợi suất giao dịch (%/năm)
1	KBNN	TD2151043	41,235	30	24.80	4.79 - 4.8058
2	KBNN	TD1747410	34,440	30	20.35	4.5346 - 4.5449
3	KBNN	TD2353151	22,685	30	26.37	4.09 - 4.735
4	KBNN	TD2434026	19,599	10	7.89	3.1654 - 4.43
5	KBNN	TD2434024	14,816	10	7.70	2.7 - 3.2174
6	KBNN	TD1636502	14,517	20	9.91	4.45 - 4.58
7	KBNN	TD2636025	13,794	10	9.18	3.2285 - 4.44
8	KBNN	TD2434025	10,022	10	7.77	2.6999 - 3.531
9	KBNN	TD2131012	8,237	10	4.19	3.0299 - 4.25
10	KBNN	TD2030135	7,763	10	4.11	3.0001 - 4.4152

LỊCH THANH TOÁN TPCP THÁNG 11 - 2026

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (Năm)	Mệnh giá (tỷ)	Ngày phát hành	Ngày thanh toán	Lãi suất (%)	Tiền lãi thanh toán (tỷ)	Tiền gốc thanh toán (tỷ)	Tổng lãi và gốc (tỷ)
1	TD1727399	10	2,930	02/11/2017	02/11/2026	5.4	158	0	158
2	TD1828119	10	7,981	15/11/2018	15/11/2026	5.0	399	0	399
3	TD1833128	15	5,810	15/11/2018	15/11/2026	5.3	308	0	308
4	TD2030020	10	13,451	12/11/2020	12/11/2026	2.5	336	0	336
5	TD2035028	15	14,500	26/11/2020	26/11/2026	2.7	392	0	392
6	TD2131019	10	10,397	18/11/2021	18/11/2026	2.0	208	0	208
7	TD2136030	15	17,564	25/11/2021	25/11/2026	2.3	404	0	404
8	TD2141039	20	8,757	25/11/2021	25/11/2026	2.7	236	0	236
9	TD2232112	10	9,000	17/11/2022	17/11/2026	4.6	414	0	414
10	TD2232113	10	18,100	24/11/2022	24/11/2026	4.8	869	0	869
11	TD2237126	15	13,250	17/11/2022	17/11/2026	4.9	649	0	649
12	TD2328101	5	1,150	30/11/2023	30/11/2026	1.6	18	0	18
13	TD2535029	10	63,359	20/11/2025	20/11/2026	3.8	2408	0	2408

Vietnam Bond Market Association

Cám ơn quý vị đã đọc Báo cáo thị trường trái phiếu của VBMA. Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM
Tầng 17, Gelex Tower, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Hà Nội
Điện thoại: (84) 24 3974 8781
Fax: (84) 4 3974 8782
Website: https://vbma.org.vn/

QUYỀN MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Báo cáo này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.